

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xét hưởng chính sách miễn học phí năm 2025
cho sinh viên khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023, 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 03/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ hồ sơ xin xét miễn, giảm học phí của sinh viên các khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023, 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý người học - Thư viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét và công nhận 80 sinh viên trình độ đào tạo đại học, hình thức đào tạo chính quy, khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023, 2024 thuộc diện miễn học phí năm 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Phòng Kế hoạch - Tài chính định mức lộ trình học phí trong từng năm học theo chương trình đào tạo chính của ngành học, giải quyết chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên được xét miễn.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLNH-TV.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Võ Văn Minh

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA TUYỂN SINH 2021, 2022, 2023, 2024
ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ NĂM 2025, THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27/8/2021 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 605/QĐ-ĐHSP, ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	Lớp	Ngành học	Khóa TS	Mức miễn	Đối tượng	Dân tộc
1	3180521041	Poloong Thị Bút	Nữ	06/11/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21CLS	Lịch sử	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
2	3200221015	Đinh Văn Duy	Nam	10/01/2003	Đông Giang, Quảng Nam	21CTL1	Tâm lý học	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
3	3160121039	Bnướcch Nguyệt	Nam	05/04/1998	Đông Giang, Quảng Nam	21SGC	Giáo dục Chính trị	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
4	3160121037	Alăng Thị Tuyết Nhi	Nữ	05/10/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21SGC	Giáo dục Chính trị	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
5	3160121046	Colâu Thiệu	Nữ	01/08/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21SGC	Giáo dục Chính trị	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
6	3160121026	Siu Lan	Nữ	17/05/2003	Chư Prông, Gia Lai	21SGC	Giáo dục Chính trị	2021	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
7	3160621024	Alăng Đưng	Nam	13/08/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21SGT	Giáo dục Thể chất	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
8	3180721093	Arát Li Sân Ni	Nữ	24/01/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21SLD	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	2021	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
9	3180721008	Bhnướcch Sur	Nam	03/07/2003	Đông Giang, Quảng Nam	21SLD	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
10	3230121100	Bhling Thị Diệu Linh	Nữ	08/05/2001	Nam Giang, Quảng Nam	21SMN1	Giáo dục Mầm non	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
11	3230121113	A Lăng Mi Mi	Nữ	28/12/2002	Nam Giang, Quảng Nam	21SMN1	Giáo dục Mầm non	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
12	3230121252	Zơ Râm Thị Tổ Trinh	Nữ	25/02/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21SMN3	Giáo dục Mầm non	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
13	3220121308	Lý Thị Xuân Chúc	Nữ	06/06/2003	Kông Chro, Gia Lai	21STH1	Giáo dục Tiểu học	2021	100%	DT-Nghèo	Tày
14	3220121312	P'Loong Danh	Nam	19/01/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21STH1	Giáo dục Tiểu học	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
15	3220121669	Aviét Thị Rác	Nữ	29/05/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21STH10	Giáo dục Tiểu học	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
16	3220121771	Ríah Thị Trầm	Nữ	19/04/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21STH4	Giáo dục Tiểu học	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
17	3220121197	Zơ Râm Thị Thư	Nữ	08/03/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21STH5	Giáo dục Tiểu học	2021	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
18	3220121749	Zơ Râm Thị Tiêu	Nữ	10/01/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21STH6	Giáo dục Tiểu học	2021	100%	DT-Cận nghèo	Gié Triêng
19	3170422068	Tàng Thị Phương	Nữ	10/03/2004	Krông Pắc, Đắk Lắk	22CBC1	Báo chí	2022	100%	DT-Cận nghèo	Nùng
20	3190422065	Zơ Râm Thị Thu Thảo	Nữ	29/09/2003	Nam Giang, Quảng Nam	22CDDL	Địa lý học	2022	100%	DT-Nghèo	Gié Triêng
21	3200322021	Bờnướcch Thị Lĩnh	Nữ	20/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22CTXH	Công tác Xã hội	2022	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
22	3140122004	Alăng Bằng	Nam	07/01/2003	Đông Giang, Quảng Nam	22SHH	Sư phạm Hóa học	2022	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
23	3180122044	Brúu Thị Sừu	Nữ	27/09/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SLS	Sư phạm Lịch sử	2022	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	Lớp	Ngành học	Khóa TS	Mức miễn	Đối tượng	Dân tộc
24	3230122067	Alăng Thị Mai	Nữ	14/03/2003	Đông Giang, Quảng Nam	22SMN1	Giáo dục Mầm non	2022	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
25	3230122103	Nay H' Ploanh	Nữ	14/09/2004	Ia Pa, Gia Lai	22SMN1	Giáo dục Mầm non	2022	100%	DT-Cận nghèo	Jrai
26	3230122106	Alăng Thị Rura	Nữ	01/01/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SMN1	Giáo dục Mầm non	2022	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
27	3230122005	Alăng Thị Âu	Nữ	01/05/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SMN2	Giáo dục Mầm non	2022	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
28	3230122161	Alăng Thị Ái	Nữ	10/04/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SMN2	Giáo dục Mầm non	2022	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
29	3230122092	Arâl Thị Nụ	Nữ	29/10/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SMN2	Giáo dục Mầm non	2022	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
30	3170122033	Arât Thị Hào	Nữ	13/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22SNV2	Sư phạm Ngữ Văn	2022	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
31	3170122080	Arât Thị Kim Oanh	Nữ	24/04/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SNV2	Sư phạm Ngữ Văn	2022	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
32	3110122086	Trương Phong Lê Thùy	Nữ	13/11/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22ST2	Sư phạm Toán học	2022	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
33	3220122036	Kring Thị Ánh Đào	Nữ	08/03/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22STH1	Giáo dục Tiểu học	2022	100%	DT-Nghèo	Gié Triêng
34	3220122238	Arât Thị Thạch	Nữ	03/02/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22STH1	Giáo dục Tiểu học	2022	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
35	3220122160	Poloong Thị Mai	Nữ	01/01/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22STH3	Giáo dục Tiểu học	2022	100%	DT-Nghèo	Gié Triêng
36	3220122206	Poloong Thị Nhum	Nữ	23/06/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22STH4	Giáo dục Tiểu học	2022	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
37	3220122128	Coor Thị Thanh Lê	Nữ	25/04/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22STH4	Giáo dục Tiểu học	2022	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
38	3220122162	Y Ngọc Mai	Nữ	31/05/2004	Đăk Pơ, Gia Lai	22STH4	Giáo dục Tiểu học	2022	100%	DT-Cận nghèo	Ba Na
39	3220122330	Trần Thị Như Ý	Nữ	26/03/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22STH5	Giáo dục Tiểu học	2022	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
40	3220122230	A Viêt Thị Sen	Nữ	30/08/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22STH5	Giáo dục Tiểu học	2022	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
41	3220122163	Zơ Râm Thị Xuân Mai	Nữ	12/10/2003	Nam Giang, Quảng Nam	22STH5	Giáo dục Tiểu học	2022	100%	DT-Nghèo	Gié Triêng
42	3160523003	Nguyễn Trần Ái Dân	Nữ	13/04/2005	Bắc Trà My, Quảng Nam	23SCD	Giáo dục Công dân	2023	100%	DT-Nghèo	Co
43	3160523009	Rơ Lan Kun	Nữ	27/07/2005	Chư Prông, Gia Lai	23SCD	Giáo dục Công dân	2023	100%	DT-Nghèo	Gia Rai
44	3240623059	A Lăng Ly	Nam	18/11/2004	Nam Giang, Quảng Nam	23SGT	Giáo dục Thể chất	2023	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
45	3180723104	Alăng Thị Tóp	Nữ	19/06/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23SLD1	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	2023	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
46	3180723083	Ploong Thị Bông Sen	Nữ	22/04/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23SLD1	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	2023	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
47	3230123086	Blúp Thị Luy	Nữ	08/05/2005	Tây Giang, Quảng Nam	23SMN1	Giáo dục Mầm non	2023	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
48	3230123199	Alăng Thị Ngọc Ty	Nữ	18/10/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23SMN3	Giáo dục Mầm non	2023	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
49	3230123151	Brôl Thị Thảo	Nữ	26/04/2002	Nam Giang, Quảng Nam	23SMN3	Giáo dục Mầm non	2023	100%	DT-Nghèo	Gié Triêng
50	3170123124	Nguyễn Thị Hà Vi	Nữ	22/06/2004	Quỳ Hợp, Nghệ An	23SNV2	Sư phạm Ngữ Văn	2023	100%	DT-Cận nghèo	Thổ
51	3170123130	Trương Thị Hà Vy	Nữ	16/01/2005	Quỳ Hợp, Nghệ An	23SNV2	Sư phạm Ngữ Văn	2023	100%	DT-Cận nghèo	Thổ

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	Lớp	Ngành học	Khóa TS	Mức miễn	Đối tượng	Dân tộc
52	3220223004	Plong Thanh Hà	Nữ	09/02/2005	Nam Giang, Quảng Nam	23STC	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	2023	100%	DT-Nghèo	Gié Triêng
53	3220123160	Alăng Thị Kim	Nữ	23/03/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23STH1	Giáo dục Tiểu học	2023	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
54	3220123167	Alăng Thị Thùy Liên	Nữ	23/02/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23STH1	Giáo dục Tiểu học	2023	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
55	3220123351	Bríu Thương	Nam	10/05/2005	Tây Giang, Quảng Nam	23STH1	Giáo dục Tiểu học	2023	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
56	3220123114	Cơ Sĩ Thị Hiền	Nữ	28/01/2005	Nam Giang, Quảng Nam	23STH1	Giáo dục Tiểu học	2023	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
57	3220123340	Hồ Thị Thu	Nữ	15/10/2005	Phước Sơn, Quảng Nam	23STH3	Giáo dục Tiểu học	2023	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
58	3220123333	Poloong Thị Thị	Nữ	09/03/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23STH3	Giáo dục Tiểu học	2023	100%	DT-Nghèo	Xơ Đăng
59	3220123214	Vi Thị Mơ	Nữ	05/04/2005	Quỳ Hợp, Nghệ An	23STH4	Giáo dục Tiểu học	2023	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
60	3220123197	Alăng Thị Ly	Nữ	13/05/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23STH7	Giáo dục Tiểu học	2023	100%	DT-Cận nghèo	Thái
61	3110524012	La Thị Mỹ Hòa	Nữ	02/01/2006	Vân Canh, Bình Định	24CKDL	Khoa học Dữ liệu	2024	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
62	3170724007	Lô Thái Bảo	Nam	21/03/2006	Tương Dương, Nghệ An	24CQCC	Quan hệ công chúng	2024	100%	DT-Cận nghèo	Ba Na
63	3200324024	Hồ Văn Lân	Nam	02/09/2006	Phước Sơn, Quảng Nam	24CTXH	Công tác Xã hội	2024	100%	DT-Nghèo	Thái
64	3160524003	Đinh Gia Bảo	Nam	21/07/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SCD	Giáo dục Công dân	2024	100%	DT-Cận nghèo	Gié Triêng
65	3160524005	Hồ Thị Linh Chi	Nữ	16/01/2006	Hướng Hóa, Quảng Trị	24SCD	Giáo dục Công dân	2024	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
66	3190124015	Hồ Thị Mỹ Trinh	Nữ	22/02/2006	Đakrông, Quảng Trị	24SDL	Sư phạm Địa lý	2024	100%	DT-Nghèo	Vân Kiều
67	3160624036	Zơ Râm Thị Tâng	Nữ	25/04/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SGT	Giáo dục Thể chất	2024	100%	DT-Nghèo	Pa Cô
68	3160624044	Coor Vina	Nữ	24/03/2006	Nam Giang, Quảng Nam	24SGT	Giáo dục Thể chất	2024	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
69	3140724016	Thành Dương Châu Đoan	Nữ	04/08/2006	Thuận Bắc, Ninh Thuận	24SKT1	Sư phạm Khoa học tự nhiên	2024	100%	DT-Cận nghèo	Cơ Tu
70	3180724097	Bhonoroch Thị Trọng	Nữ	19/08/2006	Tây Giang, Quảng Nam	24SLD1	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	2024	100%	DT-Cận nghèo	Chăm
71	3230124074	Alăng Thị Lan	Nữ	30/11/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SMN1	Giáo dục Mầm non	2024	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
72	3230124163	Alăng Thị Phương Thùy	Nữ	27/10/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SMN1	Giáo dục Mầm non	2024	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
73	3230124016	Arát Thị Chang	Nữ	27/07/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SMN4	Giáo dục Mầm non	2024	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
74	3220224052	Arâl Sịn	Nam	07/09/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24STC1	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	2024	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
75	3220124163	Hồ Thị Ngân	Nữ	27/10/2006	Đakrông, Quảng Trị	24STH2	Giáo dục Tiểu học	2024	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu
76	3220124338	Moong Thị Hạnh	Nữ	05/12/2005	Kỳ Sơn, Nghệ An	24STH3	Giáo dục Tiểu học	2024	100%	DT-Nghèo	Vân Kiều
77	3220124136	Zơ Râm Luyến	Nữ	13/01/2006	Nam Giang, Quảng Nam	24STH4	Giáo dục Tiểu học	2024	100%	DT-Cận nghèo	Khơ Mú
78	3220124107	Vi Thị Khen	Nữ	13/04/2006	Quan Sơn, Thanh Hóa	24STH5	Giáo dục Tiểu học	2024	100%	DT-Cận nghèo	Thái

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	Lớp	Ngành học	Khóa TS	Mức miễn	Đối tượng	Dân tộc
79	3220124339	Lô Nhật Hiếu	Nữ	26/02/2005	Quế Phong, Nghệ An	24STH6	Giáo dục Tiểu học	2024	100%	DT-Cận nghèo	Thái
80	3220124359	Cơ Sĩ Thị Hòa	Nữ	28/01/2005	Nam Giang, Quảng Nam	24STH6	Giáo dục Tiểu học	2024	100%	DT-Nghèo	Cơ Tu

Tổng cộng: - Có 80 sinh viên được xét miễn học phí trong năm 2025 (có giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo chỉ có giá trị đến 31/12/2025).

Ghi chú:

- Đối với những môn học đăng ký học lần đầu: sinh viên được miễn, giảm học phí.
- Đối với những môn học đăng ký học lần thứ hai trở đi hoặc đăng ký học cải thiện điểm: sinh viên phải đóng 100% học phí.
- Sinh viên thuộc danh sách này phải bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo năm 2026 mới được tiếp tục hưởng chế độ miễn học phí năm 2026.

HIỆU TRƯỞNG 



PGS. TS. Võ Văn Minh